

TUẦN 10- TIẾT 20

BÀI 17: VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC TÀI LIỆU VÀ THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU.

I/ Yêu cầu đạt được:

Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội .

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi khó khăn đối với việc phát triển kinh tế - xã hội .

- Trình bày được đặc điểm dân cư xã hội và những thuận lợi khó khăn đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

1: Vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ

- Học sinh đọc sách giáo khoa phần 1.

- Học sinh ghi tên các tỉnh thành của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Học sinh trình bày vị trí địa lí của vùng theo gợi ý của giáo viên.

+ Diện tích của vùng?

+ Tiếp giáp với những nước nào?

+ Gồm bao nhiêu tỉnh thành?

+ Vị trí địa lí của vùng có gì đặc biệt?

+ Ý nghĩa của vị trí địa lí.

2: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng

Trình bày đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng (thuận lợi và khó khăn).
Dựa trên đặc điểm tài nguyên thiên hãy xác định thế mạnh kinh tế tương ứng.

+ Đặc điểm địa hình

+ Đặc điểm khí hậu

+ Đặc điểm sông ngòi

+ Đặc điểm về khoáng sản

Đặc điểm	Tây Bắc	Đông Bắc
- Địa hình		
- Khí hậu		

- Sông ngòi - Khoáng sản - Thế mạnh kinh tế		
---	--	--

III. Đặc điểm dân cư xã hội (HS tự học)

Để làm rõ hơn đặc điểm dân cư xã hội của vùng GV yêu cầu học sinh:

- + Đánh giá chất lượng của sống của vùng?
- + Tại sao chất lượng cuộc sống của vùng còn thấp?
- + Dựa bảng số liệu trên, hãy nhận xét và giải thích sự chênh lệch về dân cư – xã hội của tiểu vùng Đông Bắc với tiểu vùng Tây Bắc.

HOẠT ĐỘNG 2: KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH TỰ HỌC

Sau khi trả lời các câu hỏi phân đặt vấn đề học sinh ghi ra được nội dung bài học gồm các nội dung sau:

I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ

- Diện tích :100.965 km²
- Vị trí ở phía bắc đất nước.
- + Bắc : giáp Trung Quốc
- + Tây : giáp Thượng Lào
- + Đông Nam : giáp Vịnh Bắc Bộ
- + Nam : ĐB sông Hồng và Bắc Trung Bộ
- Chiếm 1/3 diện tích lãnh thổ cả nước.
- Dễ giao lưu với nước ngoài và trong nước, lãnh thổ giàu tiềm năng.

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

- Tự nhiên phân hóa hai vùng Đông Bắc và Tây bắc .
- Địa hình cao, cắt xẻ mạnh, khí hậu có mùa đông lạnh, nhiều loại khoáng sản, trữ lượng thủy điện dồi dào.
- Thuận lợi :Tài nguyên phong phú tạo điều kiện phát triển kinh tế đa ngành.
- Khó khăn: Địa hình chia cắt phức tạp, thời tiết diễn biến thất thường, khoáng sản trữ lượng nhỏ và điều kiện khai thác phức tạp, xói mòn đất, sạt lở đất, lũ quét

III. Đặc điểm dân cư xã hội (HS tự học)

IV.Bài tập.

Học sinh trả lời các câu hỏi sau:

- + Vùng có bao nhiêu tỉnh thành?
- + Tỉnh nào của vùng duy nhất giáp biển?
- + Vùng giáp với các quốc gia nào?
- + Vùng biển mà vùng tiếp giáp có tên là gì?
- + 3 dân tộc thiểu số tiêu biểu của vùng là gì?
- + Tại sao vùng có mùa đông lạnh nhất nước?
- + Con sông nào có tiềm năng thủy điện lớn nhất?
- + Hồ thủy điện lớn nhất của vùng?

***Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép:**

Lưu ý: học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, trở ngại của học sinh sau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

I. Vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

IV. Bài tập.

HS làm bài tập

Trường: THCS Tam Thôn Hiệp

Lớp: 9

Họ tên học sinh:

	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Địa	I. Vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	

Chuẩn bị nội dung bài 17 : Vùng Trung Du và Miền Núi Bắc Bộ (tt)

Chuẩn bị câu hỏi 1,2, sgk /69

Liên hệ giáo viên bộ môn: Trương Thị Thanh Tuyền
Điện thoại: 0978899590